



**LUYỆN TẬP THI  
TRẮC NGHIỆM – THI  
THPT MÔN ĐỊA LÝ**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Công cuộc Đổi mới là một cuộc cải cách toàn diện về kinh tế - xã hội**

**a) Bối cảnh**

- 30 - 4 - 1975 : Miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất.
- Kinh tế đất nước rơi vào khủng hoảng kéo dài, lạm phát phi mã do hậu quả của chiến tranh và điểm xuất phát của nền kinh tế thấp.

**b) Công cuộc Đổi mới**

*Quá trình* : 1979 : Manh nha ; 1986 : Khẳng định.

*Xu thế* : Ba xu thế chính :

- Dân chủ hoá đời sống kinh tế xã hội.
- Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế.

**c) Kết quả**

- Đất nước thoát khỏi khủng hoảng, lạm phát bị đẩy lùi.
- Tốc độ phát triển kinh tế khá cao : 0,2% (1975 - 1980) tăng lên 7,3% (2003).
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất và tăng nhanh nhất trong cơ cấu GDP).
- Cơ cấu lãnh thổ của nền kinh tế cũng chuyển biến tích cực (hình thành 3 vùng trọng điểm kinh tế, vùng sâu vùng xa, miền núi hải đảo được ưu tiên phát triển).
- Đã giải quyết nhiều vấn đề xã hội bức xúc.

**2. Nước ta trong hội nhập quốc tế và khu vực**

**a) Bối cảnh**

- Toàn cầu hoá là xu thế tất yếu của thời đại tạo cho nước ta nhiều thời cơ nhưng cũng có nhiều thách thức.
- Năm 1995 : Bình thường hoá quan hệ với Hoa Kỳ. Gia nhập ASEAN, từng bước thực hiện các cam kết AFTA.
- Năm 1998 : Gia nhập APEC.

**b) Kết quả**

- Thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư nước ngoài ODA, FDI (đến năm 2005 có 7279 dự án được đầu tư với tổng số vốn 66,25 tỉ USD).
- Đẩy mạnh ngoại thương (năm 2005, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 69419,9 triệu USD).
- Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với các nước trong khu vực và trên thế giới.
- Vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

**3. Một số định hướng để đẩy mạnh công cuộc Đổi mới**

- Thực hiện chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo.
- Hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.



- C. Chính sách Đổi mới đầu tiên của nước ta được thực hiện trong lĩnh vực nông nghiệp.  
D. Chính sách khoán trong nông nghiệp được Bộ Chính trị đưa ra vào tháng 1 - 1981.
- Câu 8.** Sự kiện có ý nghĩa đặc biệt diễn ra vào giữa thập niên 90 đánh dấu xu thế hội nhập của nước ta:
- A. Gia nhập WTO và bình thường hoá quan hệ với Hoa Kỳ.  
B. Gia nhập ASEAN và kí thương ước với Hoa Kỳ.  
C. Gia nhập ASEAN và bình thường hoá quan hệ với Hoa Kỳ.  
D. Gia nhập APEC và bình thường hoá quan hệ với Hoa Kỳ.
- Câu 9.** Đây là cơ cấu GDP theo ngành kinh tế của nước ta giai đoạn 1975 - 1980.
- A. Khu vực I : 21,8%, khu vực II : 40%, khu vực III : 38,2%.  
B. Khu vực I : 43,8%, khu vực II : 21,9%, khu vực III : 34,3%.  
C. Khu vực I : 27,2%, khu vực II : 28,8%, khu vực III : 44%.  
D. Khu vực I : 23%, khu vực II : 38,5%, khu vực III : 38,5%.
- Câu 10.** Việt Nam gia nhập ASEAN vào.....và là thành viên thứ..... của tổ chức này.
- A. Tháng 7 - 1995 và 7.                      B. Tháng 4 - 1995 và 6.  
C. Tháng 7 - 1998 và 5.                      D. Tháng 7 - 1998 và 7.
- Câu 11.** Sự thành công của công cuộc Đổi mới ở nước ta được thể hiện rõ nhất ở :
- A. Việc mở rộng các ngành nghề; tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.  
B. Số hộ đói nghèo giảm nhanh ; trình độ dân trí được nâng cao.  
C. Tăng khả năng tích lũy nội bộ, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đời sống nhân dân được cải thiện.  
D. Hình thành được các trung tâm công nghiệp lớn và các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa.
- Câu 12.** Sự mất cân đối lớn trong nền kinh tế nước ta trước công cuộc Đổi mới làm :
- A. Đời sống của nhân dân bị đảo lộn.  
B. Sản xuất không đáp ứng đủ cho tiêu dùng, không có tích lũy, nhập siêu lớn.  
C. Khủng hoảng nền kinh tế - xã hội kéo dài.                      D. Tất cả các ý trên.
- Câu 13.** Thành tựu nổi bật mà nước ta đạt được trong việc hội nhập vào nền kinh tế của khu vực và quốc tế là :
- A. Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài ; các hoạt động du lịch, dịch vụ phát triển mạnh.  
B. Hoạt động ngoại thương được đẩy mạnh, hợp tác kinh tế - khoa học kĩ thuật được tăng cường.  
C. Hoạt động kinh tế đối ngoại phát triển mạnh ; các nguồn lực ở trong nước được khai thác tốt hơn.  
D. Trao đổi thông tin, văn hóa chuyển giao công nghệ.
- Câu 14.** Những thách thức lớn của nước ta khi hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới ?
- A. Khó khăn trong việc tiếp cận với thị trường mới, nhất là thị trường các nước tư bản.

- B. Cạnh tranh về kinh tế, thương mại, tài nguyên, năng lượng, thị trường, nguồn vốn và công nghệ.
- C. Chất lượng sản phẩm thấp, khó cạnh tranh với thị trường quốc tế và khu vực.
- D. Nền kinh tế còn trong tình trạng chậm phát triển.

**Câu 15.** Thử thách lớn nhất về mặt xã hội trong công cuộc Đổi mới nền kinh tế - xã hội của nước ta là :

- A. Phân hóa giàu - nghèo, thất nghiệp, thiếu việc làm và những vấn đề xã hội khác trở nên gay gắt.
- B. Sự phân hóa giàu - nghèo giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng có xu hướng tăng lên.
- C. Ảnh hưởng của văn hóa lai căng, đòi trụ từ nước ngoài.
- D. Thiếu vốn – công nghệ tiên tiến và đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

**Câu 16.** Sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở nước ta cần dựa trên cơ sở :

- A. Phát triển khoa học công nghệ và giáo dục – đào tạo.
- B. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp nhẹ và sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. Phát triển công nghiệp nặng.
- D. Đầu tư mạnh cho giáo dục - đào tạo.

**Câu 17.** Chính sách Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta bước đầu đã có tác dụng chuyển dịch lao động từ :

- A. Khu vực kinh tế Nhà nước sang tập thể và tư nhân.
- B. Khu vực kinh tế tư nhân sang khu vực kinh tế Nhà nước và tập thể.
- C. Khu vực kinh tế tập thể, tư nhân sang khu vực kinh tế Nhà nước.
- D. Kinh tế Nhà nước sang khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 18.** Để thực hiện tốt sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, nước ta cần dựa trên cơ sở :

- A. Phát triển khoa học - kỹ thuật - công nghệ ; giáo dục và đào tạo.
- B. Đầu tư phát triển các ngành công nghiệp nặng, coi đó là khâu then chốt.
- C. Phát triển công nghiệp nhẹ, nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến.
- D. Đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng để ổn định đời sống của nhân dân.

**Câu 19.** Khoản 100 theo “Chỉ thị 100-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 13 - 1 - 1981” được hiểu là :

- A. Chính sách khoán gọn theo đơn giá đến hộ xã viên.
- B. Chính sách khoán sản phẩm theo từng khâu đến nhóm người lao động trong nông nghiệp.
- C. Câu A đúng.
- D. Cả 2 câu A và B đều đúng.

**Câu 20.** Khoản 10 theo “Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI) tháng 4 - 1988” được hiểu là:

- A. Chính sách khoán gọn theo đơn giá đến hộ xã viên.

- B. Chính sách khoán sản phẩm theo từng khâu đến nhóm người lao động trong nông nghiệp.
- C. Chính sách khoán gọn theo đơn giá đến hợp tác xã nông nghiệp.
- D. Tất cả đều đúng.

**Câu 21.** Để tận dụng những tiến bộ của khoa học – kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, Việt Nam cần :

- A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ khu vực sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp.
- B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ khu vực sản xuất công nghiệp sang dịch vụ.
- C. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ khu vực sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.
- D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ khu vực dịch vụ sang công nghiệp.

**Câu 22.** Để sử dụng tốt nguồn nước sông Mê Công, Việt Nam cần hợp tác chặt chẽ với các nước :

- A. Trung Quốc, Mi-an-ma, Lào, Thái Lan, Cam-pu-chia.
- B. Thái Lan, Lào, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a, Trung Quốc.
- C. Lào, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Ma-lai-xi-a.
- D. Ma-lai-xi-a, Lào, Thái Lan, Cam-pu-chia, Trung Quốc.

### C. ĐÁP ÁN

1. C	2. D	3. C	4. B	5. D	6. B
7. B	8. C	9. B	10. A	11. C	12. B
13. C	14. B	15. A	16. A	17. A	18. A
19. B	20. A	21. C	22. A		

### Phần một. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

**Bài 2, 3.**

### VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, PHẠM VI LÃNH THỔ

#### A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

##### 1. Vị trí địa lý

- Việt Nam nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương tiếp giáp Biển Đông gần trung tâm Đông Nam Á, trên các đường hàng hải, đường bộ và đường hàng không quốc tế.

- Việt Nam nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, khu vực có hoạt động kinh tế sôi động nhất thế giới.

##### 2. Phạm vi lãnh thổ

Lãnh thổ Việt Nam gồm 3 bộ phận :

- *Phần đất liền :*

+ Có diện tích 329 297 km<sup>2</sup>.

+ Có hệ toạ độ : 8°34'B - 23°23'B và 102°10'Đ - 109°24'Đ.

+ Tiếp giáp với Trung Quốc ở phía bắc, Lào và Cam-pu-chia ở phía tây, phía đông và nam giáp Biển Đông và vịnh Thái Lan, nằm hoàn toàn trong múi giờ số 7.

- *Phân biển* : Có diện tích trên 1 triệu km<sup>2</sup> gồm 5 bộ phận : nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế. Nếu kể cả biển, lãnh thổ nước ta kéo dài xuống tận vĩ tuyến 6°50'B và ra tận kinh tuyến 117°20'Đ.

- *Vùng trời* : Là khoảng không gian vô tận bao phủ lên trên lãnh thổ.

### 3. Ý nghĩa của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

#### a) Về tự nhiên

- Vị trí địa lí quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là tính nhiệt đới ẩm gió mùa.

- Vị trí địa lí đã góp phần làm cho nước ta có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng phong phú.

- Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ làm cho thiên nhiên nước ta có sự phân hoá đa dạng.

- Vị trí địa lí cũng đặt chúng ta trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.

#### b) Về dân cư và xã hội

- Vị trí địa lí làm cho nước ta có một cộng đồng dân cư gồm nhiều thành phần dân tộc.

- Vị trí địa lí cũng làm cho nước ta có nhiều nét tương đồng về mặt văn hoá với các nước trong khu vực do cùng chịu ảnh hưởng của các nền văn minh lớn.

#### c) Về kinh tế

- Nằm trong khu vực có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nóng quanh năm, nguồn nhiệt dồi dào, nước ta có thể hoạt động kinh tế suốt năm, có thể phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới thâm canh, đa canh.

- Với nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, nước ta có thể phát triển một nền kinh tế với cơ cấu ngành đa dạng.

- Nằm ở vị trí trung tâm vùng Đông Nam Á, tiếp giáp với Biển Đông, nước ta trở thành một “quốc gia mặt tiền”, là cửa ngõ thông ra biển của nhiều nước trong khu vực.

- Nằm ở vị trí ngã tư giao thông quốc tế, nước ta có thể liên lạc dễ dàng với các nước bằng nhiều loại hình giao thông vận tải khác nhau, đó là tiền đề để phát triển kinh tế, thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập, thu hút vốn đầu tư của các nước.

- Nằm trong khu vực có hoạt động kinh tế sôi động của thế giới, nước ta dễ dàng tiếp thu vốn, kĩ thuật và công nghệ hiện đại của các nước, tăng cường giao lưu buôn bán.

- Tuy nhiên, vị trí địa lí cũng đặt nước ta trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai phải có những biện pháp phòng tránh hữu hiệu, và trong khu vực có sự cạnh tranh gay gắt.

## B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Lãnh thổ nước ta trải dài :

A. Trên 12° vĩ.    B. Gần 15° vĩ.    C. Gần 17° vĩ.    D. Gần 18° vĩ.

**Câu 2.** Nội thủy là :

A. Vùng nước tiếp giáp với đất liền nằm ven biển.

- B. Vùng nước tiếp giáp với đất liền phía bên trong đường cơ sở.  
C. Vùng nước cách đường cơ sở 12 hải lí. D. Vùng nước cách bờ 12 hải lí.
- Câu 3.** Đây là cửa khẩu nằm trên biên giới Lào - Việt.  
A. Cầu Treo. B. Xà Xía. C. Mộc Bài. D. Lào Cai.
- Câu 4.** Đường cơ sở của nước ta được xác định là đường :  
A. Nằm cách bờ biển 12 hải lí. B. Nối các điểm có độ sâu 200 m.  
C. Nối các mũi đất xa nhất với các đảo ven bờ.  
D. Tính từ mức nước thủy triều cao nhất đến các đảo ven bờ.
- Câu 5.** Đi từ bắc vào nam theo biên giới Việt - Lào, ta đi qua lần lượt các cửa khẩu :  
A. Tây Trang, Cầu Treo, Lao Bảo, Bờ Y.  
B. Cầu Treo, Tân Thanh, Lao Bảo, Bờ Y.  
C. Bờ Y, Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang.  
D. Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang, Bờ Y.
- Câu 6.** Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ :  
A. Lãnh thổ kéo dài từ 8°34'B đến 23°23'B nên thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.  
B. Nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.  
C. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.  
D. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.
- Câu 7.** Đây là cảng biển mở lối ra biển thuận lợi cho vùng Đông Bắc Cam-pu-chia.  
A. Hải Phòng. B. Cửa Lò. C. Đà Nẵng. D. Nha Trang
- Câu 8.** Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ :  
A. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.  
B. Nước ta nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.  
C. Nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.  
D. Nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.
- Câu 9.** Quần đảo Trường Sa thuộc :  
A. Tỉnh Khánh Hoà. B. Thành phố Đà Nẵng.  
C. Tỉnh Quảng Ngãi. D. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Câu 10.** Loại gió có tác động thường xuyên đến toàn bộ lãnh thổ nước ta là :  
A. Gió Mậu dịch. B. Gió mùa.  
C. Gió phơn. D. Gió địa phương.
- Câu 11.** Vị trí địa lí nước ta tạo điều kiện thuận lợi cho việc :  
A. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.  
B. Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.  
C. Phát triển các ngành kinh tế biển.



D. Tất cả các thuận lợi trên.

**Câu 12.** Đối với vùng đặc quyền kinh tế, Việt Nam có nghĩa vụ và quyền lợi nào dưới đây ?

A. Có chủ quyền hoàn toàn về thăm dò, khai thác, bảo vệ, quản lí các tất cả các nguồn tài nguyên.

B. Cho phép các nước tự do hàng hải, hàng không, đặt ống dẫn dầu, cáp quang ngầm.

C. Cho phép các nước được phép thiết lập các công trình nhân tạo phục vụ cho thăm dò, khảo sát biển.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 13.** Đối với vùng đặc quyền kinh tế, Việt Nam cho phép các nước :

A. Được thiết lập các công trình và các đảo nhân tạo.

B. Được tổ chức khảo sát, thăm dò các nguồn tài nguyên.

C. Được tự do hàng hải, hàng không, đặt ống dẫn dầu và cáp quang biển.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 14.** Xét về góc độ kinh tế, vị trí địa lí của nước ta :

A. Thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác, giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.

B. Thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ ; tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước và thu hút đầu tư của nước ngoài.

C. Thuận lợi trong việc hợp tác sử dụng tổng hợp các nguồn lợi của Biển Đông, thềm lục địa và sông Mê Công với các nước có liên quan.

D. Thuận lợi cho việc hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật với các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

**Câu 15.** Đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới - ẩm - gió mùa của nước ta là do :

A. Vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ quy định.

B. Ảnh hưởng của các luồng gió thổi theo mùa từ phương bắc xuống và từ phía nam lên.

C. Sự phân hóa phức tạp của địa hình vùng núi, trung du và đồng bằng ven biển.

D. Ảnh hưởng của Biển Đông cùng với các bức chắn địa hình.

**Câu 16.** Ở nước ta, loại tài nguyên có triển vọng khai thác lớn nhưng chưa được chú ý đúng mức :

A. Tài nguyên đất.

B. Tài nguyên biển.

C. Tài nguyên rừng.

D. Tài nguyên khoáng sản.

**Câu 17.** Ở nước ta, khai thác tổng hợp giá trị kinh tế của mạng lưới sông ngòi dày đặc cùng với lượng nước phong phú là thế mạnh của :

A. Ngành công nghiệp năng lượng ; ngành nông nghiệp và giao thông vận tải, du lịch.

B. Ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản nước ngọt.

C. Ngành giao thông vận tải và du lịch.

D. Ngành trồng cây lương thực - thực phẩm.

**Câu 18.** Biển Đông là vùng biển lớn nằm ở phía :

- A. Nam Trung Quốc và Đông Bắc Đài Loan.
- B. Phía đông Phi-líp-pin và phía tây của Việt Nam.
- C. Phía đông Việt Nam và tây Phi-líp-pin.
- D. Phía bắc của Xin-ga-po và phía nam Ma-lai-xi-a.

**Câu 19.** Vấn đề chủ quyền biên giới quốc gia trên đất liền, Việt Nam cần tiếp tục đàm phán với :

- A. Trung Quốc và Lào.
- B. Lào và Cam-pu-chia.
- C. Cam-pu-chia và Trung Quốc.
- D. Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia

**Câu 20.** Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải :

- A. Đường ô tô và đường sắt.
- B. Đường biển và đường sắt.
- C. Đường hàng không và đường biển.
- D. Đường ô tô và đường biển.

### C. ĐÁP ÁN

1. C	2. B	3. A	4. C	5. A	6. D
7. C	8. D	9. A	10. A	11. B	12. A